

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán trồng đường băng
xanh cảnh lửa kết hợp phân định ranh giới giữa các loại rừng năm 2019**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 29/2018TT-BNNPTNT ngày 16/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh;

Căn cứ Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Ban hành định mức kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2378/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở hợp nhất 07 Ban quản lý rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh hiện nay;

Căn cứ Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 15/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao kế hoạch Chương trình Bảo vệ và phát triển rừng năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1110/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt tiêu chuẩn kỹ thuật và đơn giá sản xuất cây giống xuất vườn của một số loài cây trồng rừng; trồng cây phân tán trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo kết quả thẩm định số 2607/BCTĐ-SNNPTNT ngày 25/9/2019

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán trồng đường băng xanh cản lửa kết hợp phân định ranh giới giữa các loại rừng với nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Trồng đường băng xanh cản lửa kết hợp phân định ranh giới giữa các loại rừng – kế hoạch năm 2019.

2. Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Quảng Ngãi.

3. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi.

4. Đơn vị tổ chức thực hiện: Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi.

5. Đơn vị lập thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán: Công ty TNHH tư vấn và sản xuất nông lâm nghiệp Hạnh Nhân.

6. Địa điểm:

- Tiểu khu 429, xã Ba Trang, huyện Ba Tơ.

- Tiểu khu 399, xã Ba Tiêu, huyện Ba Tơ.

- Tiểu khu 409, 423, xã Ba Vì, huyện Ba Tơ.

- Tiểu khu 192, 193, 209, xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà.

- Tiểu khu 211, Thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà.

- Tiểu khu 221, xã Sơn Trung, huyện Sơn Hà.

- Tiểu khu 144, 145, xã Sơn Bua huyện Sơn Tây.

- Tiểu khu 106, xã Trà Thọ, huyện Tây Trà.

7. Quy mô xây dựng:

Tổng diện tích thiết kế trồng, chăm sóc đường băng xanh cản lửa kết hợp phân định ranh giới giữa các loại rừng: 72,92 ha (với chiều dài tương đương 37,165 km).

8. Tóm tắt các giải pháp kỹ thuật lâm sinh:

a) Giải pháp kỹ thuật trồng

a1) Loài cây trồng:

+ Lim xanh (*Erythrophleum fordii* Oliver)

+ Sao đen (*Hopea odorata* Roxb)

a2) Phương thức trồng: Trồng hỗn loài theo hàng trong băng trồng.

a3) *Phương pháp trồng*: Cây con được gieo tạo trong túi bầu nhựa PE ; cây Lim xanh, Sao đen: Trồng bằng cây con gieo ươm từ hạt. Cây con sinh trưởng tốt, không bị sâu bệnh, không cong queo, không bị dập gãy cành ngọn, hình dạng cân đối và không vỡ bầu:

- Cây Lim xanh: Kích cỡ túi bầu 13x18cm, tuổi cây con đem trồng từ 5 – 6 tháng, chiều cao từ 25- 30 cm, đường kính cổ rễ > 0,3 cm.

- Cây Sao đen: Kích cỡ túi bầu 13x18cm, tuổi cây con đem trồng từ 16-18 tháng, chiều cao từ 50-70 cm, đường kính cổ rễ từ 0,5 – 0,7 cm.

a4) *Mật độ trồng*:

- Đối với bề rộng băng xanh 20m:

+ Công thức 1: Mật độ trồng 1.400 cây/ha (800 cây Lim xanh, 600 cây Sao đen). Các vị trí đường băng xanh qua khu vực có cây con tái sinh tự nhiên có mục đích chiều cao > 50 cm. Bố trí 7 hàng cây, cây cách cây 2,5 m, hàng cách hàng 3m.

+ Công thức 2: Mật độ trồng 1.750 cây/ha (1.000 cây Lim xanh, 750 cây Sao đen). Bố trí 7 hàng cây, cây cách cây 2 m, hàng cách hàng 3m.

- Đối với bề rộng băng xanh 10m: Công thức 3: Mật độ trồng 2.000 cây/ha (1.000 cây Lim xanh, 1000 cây Sao đen). Trên băng bố trí 4 hàng cây, cây cách cây 2 m, hàng cách hàng 3m.

(Chi tiết theo sơ đồ bố trí cây trồng tại Hồ sơ thuyết minh thiết kế)

a5) *Làm đất*: Cuộc hồ thủ công; đào và lấp hố đúng khoảng cách cây trồng và cự ly hàng. Kích thước hố đào 40x40x40cm. Khi đào hố phải lấy hết đá, rễ cây ra khỏi hố, đất đào để bên miệng hố, sau khi sửa đáy hố xong thì bón lót trước khi lấp hố (mỗi hố bón 0,2kg phân NPK), lấp đất đầy ngang miệng hố.

a6) *Trồng cây*:

+ Trồng từ tháng 9 đến tháng 11/2019, trồng vào những ngày râm mát, đất đủ độ ẩm.

+ Dùng cuốc móc đất giữa hố trồng, xé bỏ túi bầu tránh làm vỡ bầu và đặt cây thẳng đứng giữa hố, lấp đất phủ bầu và ấn nhẹ đất xung quanh hố từ ngoài vào gần bầu cây theo từng lớp, lấp đến cổ rễ cây theo hình mu rùa cao hơn mặt đất để tránh đọng nước làm úng, chết cây.

b) *Giải pháp kỹ thuật chăm sóc*

Chăm sóc 5 năm sau khi trồng, gồm:

b1) *Chăm sóc năm thứ nhất*:

- Phát dọn sạch thực bì, tia cành nhánh bị sâu bệnh, cong queo. Trong quá trình phát dọn phải gỡ hết dây leo bám vào cây trồng. Phát chăm sóc 02 lần/năm, lần thứ nhất từ tháng 3 đến tháng 6; lần thứ hai từ tháng 9 đến tháng 11.

- Dẫy cỏ, xới đất và vun đất vào gốc cây trong phạm vi đường kính xung quanh gốc từ 0,8-1 m, làm cho đất tơi xốp, thoáng khí, giữ ẩm cho cây trồng; xới và vun gốc 01 lần/năm vào thời gian tháng 9 đến tháng 10. Quá trình xới không làm tổn thương bộ rễ cây.

- Trồng dặm: trồng dặm những cây bị chết, cây sinh trưởng kém. Cây con đem trồng phải đúng tiêu chuẩn, trồng theo đúng mật độ thiết kế và đúng thời vụ (trồng ở lần chăm sóc thứ 2 trong năm chăm sóc thứ nhất, vào những ngày có mưa).

- Bón phân: bón thúc 1 lần vào lần chăm sóc thứ 2 trong năm bằng phân NPK, liều lượng bón 0,1 kg/cây. Dùng cuốc xới xung quanh gốc sâu 10-15 cm, rải đều phân và lấp đất.

- Bảo vệ: tuần tra ngăn chặn người, gia súc phá hại cây trồng; kịp thời phòng trừ sâu, bệnh hại cây rừng; phòng chống cháy rừng.

b2) Chăm sóc năm thứ hai:

- Nội dung chăm sóc giống như năm thứ nhất, các hạng mục bón phân, không thực hiện.

b3) Chăm sóc các năm thứ ba, tư, năm:

- Nội dung chăm sóc giống như năm thứ nhất, các hạng mục bón phân, trồng dặm không thực hiện.

*** Giải pháp bảo vệ, phòng cháy chữa cháy trong xây dựng băng xanh cản lửa kết hợp phân định ranh giới giữa các loại rừng**

- Bảo vệ trong suốt quá trình thi công trồng, chăm sóc.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, cơ quan chức năng trên địa bàn trong việc bảo đảm an toàn về PCCC trong suốt mùa khô, phải thường xuyên cập nhật cấp dự báo cháy rừng để chủ động thực hiện các biện pháp phòng cháy rừng.

- Thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao ý thức phòng chống cháy rừng, không đốt lửa trong khu vực trồng cây và tích cực tham gia phòng chống cháy rừng.

- Hàng năm vào đầu mùa khô (tháng 3, 4) cần tiến hành phát dọn thực bì, nhổ cỏ, dọn sạch vật liệu có khả năng gây cháy trên các lô trồng, đường ranh giới lô và thường xuyên tuần tra, ngăn chặn không để người dân đốt lửa trong khu vực trồng cây.

- Tận dụng nguồn nước sẵn có tại các khe suối xung quanh khu vực rừng, trồng đai cây xanh và các khu vực lân cận để chủ động phục vụ công tác chữa cháy khi có cháy rừng xảy ra.

9. Giá trị dự toán phê duyệt:

TT	Hạng mục chi phí	Tổng giá trị (đồng)
I	Chi phí xây dựng	10.980.691.199

1	Chi phí trực tiếp	9.912.607.717
2	Chi phí chung	495.630.386
3	Thu nhập chịu thuế tính trước	572.453.096
II	Chi phí quản lý dự án	329.420.736
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	723.178.143
1	Khảo sát lập thiết kế	365.767.625
2	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	43.604.325
3	Giám sát thi công	313.806.193
IV	Chi phí khác	513.528.258
1	Phí thẩm định thiết kế	13.286.636
2	Phí thẩm định dự toán	12.847.409
3	Kiểm tra, nghiệm thu hoàn công	265.879.081
4	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	78.388.928
5	Chi phí kiểm toán	143.126.204
V	Chi phí dự phòng	627.340.917
	TỔNG CHI PHÍ	13.174.159.253

10. Nguồn vốn đầu tư:

- Năm 2019 (trồng rừng): Ngân sách cấp tại Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 15/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao kế hoạch Chương trình Bảo vệ và phát triển rừng năm 2019.

- Năm 2020 (chăm sóc năm thứ nhất): Ngân sách cấp theo Chương trình Mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững.

- Từ năm 2021 - 2024 (chăm sóc hai và năm thứ hai đến năm thứ năm): Ngân sách cấp để xử lý chuyển tiếp hạng mục lâm sinh theo Chương trình Mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững.

11. Phân kỳ vốn đầu tư:

- Năm 2019 (trồng đường băng xanh): 4.811.447.244 đồng.

- Năm 2020 (Chăm sóc năm 1): 2.134.476.062 đồng.

- Năm 2021 (Chăm sóc năm 2): 1.608.602.909 đồng.

- Năm 2022 (Chăm sóc năm 3): 1.505.965.132 đồng.

- Năm 2023 (Chăm sóc năm 4): 1.122.179.810 đồng.

- Năm 2024 (Chăm sóc năm 5): 1.991.488.096 đồng.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2019 – 2024.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm về việc thẩm định nội dung, các giải pháp kỹ thuật lâm sinh, định mức chi phí, đảm bảo đúng quy định theo kết quả thẩm định tại Báo cáo số 2607/BCTĐ-SNNPTNT ngày 25/9/2019.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định; đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả đầu tư và thực hiện thanh, quyết toán vốn đầu tư cho giá trị hoàn thành hạng mục công trình tại Điều 1 Quyết định theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện: Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây, Tây Trà; Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NL), KT, CBTH;
- Lưu: VT, NNIN (lnphong421)

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tăng Bình